

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1540/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 26 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v **Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường 17, phường Quyết Thắng (bổ sung lần 2)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 Quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất bị thu hồi;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về việc Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 34/2024/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 về việc ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 về việc Ban hành Quy định về hạn mức giao đất, nhận chuyển quyền, công nhận đất ở; tách thửa, hợp thửa đất; giao, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt; tách thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 1072/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

thành phố Lai Châu; số 770/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Lai Châu; số 44/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 về việc Ban hành Quy định giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15/10/1993 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 60/2024/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 về việc Quy định mức chi thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định của UBND thành phố Lai Châu: Số 234/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 về việc Phê duyệt dự án Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng; số 1181/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 03 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Căn cứ Kế hoạch số 4711/KH-UBND ngày 24/10/2024 của UBND thành phố Lai Châu về việc ban hành Kế hoạch thu hồi đất để thực hiện dự án: Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường 17, phường Quyết Thắng (Điều chỉnh);

Căn cứ Thông báo số 2057/TB-UBND ngày 15/11/2024 của UBND thành phố Lai Châu về Thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Văn Nghiệp - Chủ tịch UBND thành phố Lai Châu tại buổi làm việc về giải quyết vướng mắc Dự án: Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 795/TTr-TNMT ngày 25/12 /2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với dự án: Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường 17, phường Quyết Thắng (bổ sung lần 2), theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ đầu tư phải chi trả là: 6.176.018.405 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm mười tám nghìn bốn trăm linh năm đồng).

(Có biểu tổng hợp chi tiết phương án BT-HT-TĐC kèm theo)

4. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

- Thời gian bố trí Nhà hoặc đất tái định cư: Phương án không có trường hợp phải bố trí nhà, đất tái định cư.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. UBND các phường Quyết Thắng, Quyết Tiến có trách nhiệm phổ biến, niêm yết công khai quyết định này tại trụ sở UBND phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu có trách nhiệm phối hợp với UBND các phường Quyết Thắng, Quyết Tiến, phổ biến, niêm yết công khai quyết định này tại trụ sở UBND phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi quyết định này đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.

3. Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm chấp hành quyết định này sau khi quyết định được phê duyệt và công bố, công khai.

4. Văn phòng HĐND-UBND thành phố có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND các phường: Tân Phong, Quyết Tiến; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

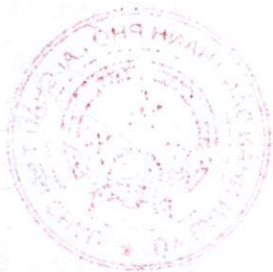
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Xiêng



BIỂU TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ

DỰ ÁN: TUYỂN ĐƯỜNG VÀ MẶT BẰNG ĐÔ THỊ ĐƯỜNG NÓI TỪ TRỤ SỞ UBND PHƯỜNG ĐOÀN KẾT MỚI ĐẾN GIAO ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG QUYẾT THẮNG (BỔ SUNG LẦN 2)

(Kèm theo Quyết định số:1540/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=4*5</i>	<i>7</i>
I	Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư				6.176.018.405	
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m ²	34.704,6			
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	29.779,6			
	Đất trồng cây hàng năm khác	m ²	3.563,2			
	Đất giao thông do UBND phường quản lý	m ²	1.013,9			
	Đất của tổ chức khác (Diện tích thu hồi của các trụ sở cơ quan khác)	m ²	347,9			
2	Tổng số người có đất thu hồi	hộ	30			
3	Phương án đào tạo nghề: Không có					
4	Phương án bố trí tái định cư: Không có					
5	Phương án di dời mồ mã: Không có					
6	Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi	Công trình	0			
7	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Theo Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND thành phố Lai Châu					
8	Tiến độ thực hiện dự án: Theo Kế hoạch số 4711/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND thành phố Lai Châu					
II	Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản				6.176.018.405	
PHƯỜNG QUYẾT TIẾN						
1	Ông LÊ VĂN CHIẾN					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 5, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 012086000837					
a	Về đất				62.648.450	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1624,6			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1610,5	38.900	62.648.450	
2,2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	12			Đất không đủ điều kiện bồi thường
2,3	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất thu hồi của Trường Mầm non Bình Minh)	m ²	2,1			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1					
	Nguồn gốc: Thửa đất số 393 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 183 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho ông Lê Văn Chiến được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 227735. Phần diện tích thu hồi 13,1 m ² thuộc thửa 374 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 245 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ đất DGT do UBND phường quản lý; Phần diện tích thu hồi 1,1 m ² thuộc thửa đất số 374, TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 180, TĐĐ số 3, phường Quyết Tiến quy chủ Trường Mầm non Bình Minh, phần diện tích đất trên thuộc diện tích đất đã thu hồi tại dự án Trường mầm non Quyết Thắng 2. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp					
b	Về cây cối hoa màu				15.122.741	
1	Sản lượng chè (năng suất 16,3 tấn/ha/năm x 1610.5 m ² đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	2625,12	5.000	13.125.575	
2	Cây mắc cọc phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 7,828 tấn/ha * 7 năm chu kỳ kinh doanh còn lại) (tính bằng định mức cây lê)	Kg	130,47	7.500	978.500	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
3	Cây bưởi phát tán bán kính R >4m (năng suất 8,698 tấn/ha * 3 năm chu kỳ kinh doanh còn lại)	kg	62,13	2.600	161.534	
4	Cây nhãn trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 4,054 tấn/ha * 24 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	231,66	3.700	857.131	
c	Về chính sách hỗ trợ				187.945.500	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm theo bảng giá đất)	m ²	1610,5	111.000	178.765.500	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 44,5% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (03 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	540	17.000	9.180.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ. (a+b+c)				265.716.691	
2	Ông NGUYỄN VĂN VINH và bà Lưu Thị Thanh					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 012078024547					
a	Về đất				14.455.240	
1	Diện tích thu hồi	m ²	378,5			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	371,6	38.900	14.455.240	
2,2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	6,9			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 378 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 279 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho bà Lưu Thị Thanh được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CL 474414 ngày cấp 26/12/2017.</p> <p>Phần diện tích 16,0 m² thuộc thửa 378 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa 277 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến đang quy chủ cho ông Nguyễn Công Hòa, trên thực tế do gia đình bà Lưu Thị Thanh đang quản lý sử dụng, có cùng nguồn gốc và mục đích sử dụng với GCN số CL 474414.</p> <p>Phần diện tích 6,9 m² thuộc thửa 378 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa 245 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến đang quy chủ đất DGT do UBND phường quản lý.</p> <p>Diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
c	Về cây cối hoa màu				5.130.104	
1	Sản lượng chè (năng suất 16,3 tấn/ha/năm x 360 m ² đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	586,8	5.000	2.934.000	
2	Cây táo phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 2,838 tấn/ha x 12 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh) (tính định mức kinh tế kỹ thuật bằng cây mận)	kg	81,09	7.200	583.817	
3	Cây đào phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 2,43 tấn/ha * 10 năm chu kỳ kinh doanh còn lại)	kg	57,86	7.200	416.571	
4	Cây nhãn phát tán bán kính R 2-4m (ảnh hưởng) (năng suất 4,054 tấn/ha * 19 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	183,40	3.700	678.562	
5	Cây xoài phát tán bán kính R 2-4m (ảnh hưởng) (năng suất 4,161 tấn/ha * 9 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	89,16	5.800	517.153	
d	Về chính sách hỗ trợ				47.367.600	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m ²	371,6	111.000	41.247.600	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 11 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (4 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 3 tháng)	Kg	360	17.000	6.120.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				66.952.944	
3	Ông NGUYỄN VĂN LƯỢNG					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 012090004959					
a	Về đất				44.668.870	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1164,8			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1148,3	38.900	44.668.870	
2,2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	16,5			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 97 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 97 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho ông Nguyễn Văn Lượng được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 453423.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 16,5 m² thuộc thửa 97 TĐĐ số 3 bản đồ giải phóng mặt bằng đang chồng lấn lên thửa đất số 242 TĐĐ số 3 quy chủ đất DGT do UBND phường Quyết Tiến quản lý. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
c	Về cây cối hoa màu				18.862.400	
1	Sản lượng chè (năng suất 16,3 tấn/ha/năm x 1100m ² đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	1793	5.000	8.965.000	
2	Cây đào trồng hạt năm thứ 3	Cây	40	235.100	9.404.000	
3	Cây bơ trồng hạt năm thứ 3	Cây	1	493.400	493.400	
d	Về chính sách hỗ trợ				145.821.300	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m ²	1148,3	111.000	127.461.300	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 93,1% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (03 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 12 tháng)	Kg	1080	17.000	18.360.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				209.352.570	
4	Bà PHẠM THỊ LỢ					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 031158009291					
a	Về đất				58.034.910	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1537			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1491,9	38.900	58.034.910	
2,2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	43,6			Đất không đủ điều kiện bồi thường

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
2,3	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất thu hồi của Trường Mầm non Bình Minh)	m ²	1,5			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 386 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 184 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho bà Phạm Thị Lơ được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 450138 ngày cấp 19/12/2014.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 43,6 m² thuộc thửa 370 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 245 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ đất DGT.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 1,5 m² thuộc thửa 370 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 180 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ đất DGD cho trường Mầm non Bình Minh, phần diện tích đất trên thuộc phần đất đã thu hồi tại dự án Trường Mầm non Quyết Thắng 2. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
c	Về cây cối hoa màu				14.294.122	
1	Sản lượng chè (năng suất 16,3 tấn/ha/năm x 1491,9 m ² đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	2431,80	5.000	12.158.985	
2	Cây chuối cao trên 1,2m chưa buồng (năng suất 11,034 tấn/ha * 2,73 m ² * 30 cây * mật độ 2100 cây/ha)	kg	157,63	9.900	1.560.523	
3	Cây xoài phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 4,161 tấn/ha * 10 năm chu kỳ kinh doanh còn lại)	kg	99,07	5.800	574.614	
d	Về chính sách hỗ trợ				171.720.900	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m ²	1491,9	111.000	165.600.900	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 66,1% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (2 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	360	17.000	6.120.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				244.049.932	
5	Bà LÊ THỊ PHÚC					
	Địa chỉ thường trú: Tò 7, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 012174000566					
a	Về đất				38.145.340	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1029,3			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	980,6	38.900	38.145.340	
2,2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	32,3			Đất không đủ điều kiện bồi thường
2,3	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giáo dục Trường Mầm non Bình Minh quản lý)	m ²	16,4			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 383, 394 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 309 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho bà Lê Thị Phúc được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CX 329273.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 0,3 m² thuộc thửa 383 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 258 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ cho bà Lê Thị Khánh Hòa, trên thực tế hộ gia đình bà Lê Thị Phúc đang quản lý sử dụng, có cùng nguồn gốc và mục đích sử dụng với giấy chứng nhận số CX 329273.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 16,4 m² thuộc thửa 383 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 180 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ Trường Mầm non Bình Minh, phần diện tích đất trên thuộc diện tích đất đã thu hồi tại dự án Trường mầm non Quyết Thắng 2.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 32,3 m² thuộc thửa 383 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 245 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ đất DGT.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.</p>					

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
c	Về cây cối hoa màu				8.313.000	
1	Sản lượng chè (năng suất 16,3 tấn/ha/năm x 1020m2 đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	1662,6	5.000	8.313.000	
d	Về chính sách hỗ trợ				114.966.600	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm tại bằng giá đất)	m ²	980,6	111.000	108.846.600	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 39,5% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (2 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	360	17.000	6.120.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				161.424.940	
6	Bà TRẦN THỊ BÉ và ông Lưu Văn Sơn					
	Địa chỉ thường trú: Tò 5, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 034157007689					
a	Về đất				40.105.900	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1031			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1031	38.900	40.105.900	
	Vị trí: Vị trí 1					
	Nguồn gốc: Thửa đất số 102 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 102 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho bà Trần Thị Bé được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 450625 ngày cấp 19/12/2014. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp					
c	Về cây cối hoa màu				10.174.712	
1	Sản lượng chè (16,3 tấn/ha/năm x 1000m2 đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	1630	5.000	8.150.000	
2	Cây đào phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 2,43 tấn/ha * 10 năm chu kỳ kinh doanh còn lại)	kg	115,71	7.200	833.143	
3	Cây đào phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 2,43 tấn/ha * 10 năm chu kỳ kinh doanh còn lại)	kg	81,00	7.200	583.200	
4	Cây chanh trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 3,189 tấn/ha * 9 năm chu kỳ kinh doanh còn lại) (tính định mức kinh tế kỹ thuật bằng cây cam)	Kg	46,29	8.800	407.369	
5	Cây ớt	Kg	10	20.100	201.000	
d	Về chính sách hỗ trợ (a+b+c+d)				132.801.000	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm tại bằng giá đất)	m ²	1031	111.000	114.441.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 50,4% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (6 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	1080	17.000	18.360.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				183.081.612	
7	Ông NGUYỄN VĂN LỤC và bà Đặng Thị Hà					
	Địa chỉ thường trú: Tò 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
Số định danh cá nhân: 012064004718						
a	Về đất				12.113.460	
1	Diện tích thu hồi	m ²	329,1			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	311,4	38.900	12.113.460	
2,2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất Công ty CP nước sạch Lai Châu quản lý)	m ²	17,7			Đất không đủ điều kiện bồi thường
Vị trí: Vị trí 1						
<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 132 TBD thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 132 TBD số 3 đang quy chủ cho ông Nguyễn Văn Lực được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 450654 ngày cấp 19/12/2014.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 51,4 m² thuộc thửa 132 TBD số 3 bản đồ giải phóng mặt bằng đang chồng lấn lên thửa đất số 150 TBD số 3 quy chủ cho ông Nguyễn Tiến Quý, thực tế do hộ gia đình ông Nguyễn Văn Lực quản lý sử dụng, có nguồn gốc và mục đích sử dụng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 450654.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 17,7 m² thuộc thửa 132 TBD số 3 bản đồ giải phóng mặt bằng đang chồng lấn lên thửa đất số 248 TBD số 3 quy chủ đất DTL do công ty cổ phần nước sạch Lai Châu quản lý, thực tế do hộ gia đình ông Nguyễn Văn Lực quản lý sử dụng, có nguồn gốc và mục đích sử dụng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 450654. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>						
c	Về cây cối hoa màu				8.034.820	
1	Cây chuối chiều cao h > 1,2m (năng suất 11,034 tấn/ha * 30 cây * mật độ 2100 cây/ha)	kg	12,58	9.900	124.530	
2	Cây chuối chiều cao h < 1,2m (năng suất 11,034 tấn/ha * 10 cây * mật độ 2100 cây/ha)					
3	Cây đào phát tán bán kính R>4m (năng suất 2,43 tấn/ha * 16,67 m ² * 2 cây * 10 năm chu kỳ kinh doanh còn lại)	kg	115,71	7.200	833.143	
4	Cây ổi phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 7,44 tấn/ha * 4 năm còn lại chu kì kinh doanh)	kg	56,69	3.900	221.074	
5	Cây xoài phát tán bán kính R1-2m (Năng suất 4,161 tấn/ha * 12 năm chu kỳ kinh doanh còn lại)	kg	118,89	5.800	689.537	
6	Cây đào phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 2,43 tấn/ha * 4 cây * 15 năm chu kỳ kinh doanh còn lại)	kg	347,14	7.200	2.499.429	
7	Cây quýt trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 3,189 tấn/ha * 3 cây * 9 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh) (tính định mức kinh tế kỹ thuật bằng cây cam)	kg	138,88	8.800	1.222.107	
8	Sản lượng chè (năng suất 16,3 tấn/ha/năm x 300m ² đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	489	5.000	2.445.000	
d	Về chính sách hỗ trợ				37.625.400	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm tại bảng giá đất)	m ²	311,4	111.000	34.565.400	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 11 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (02 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 3 tháng)	Kg	180	17.000	3.060.000	
Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					57.773.680	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
8	Bà NGUYỄN THỊ BÉ và ông Đỗ Văn Phúc					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 8, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 034159021383					
a	Về đất				3.936.680	
1	Diện tích thu hồi	m ²	110,1			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	101,2	38.900	3.936.680	
2,2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	8,9			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thừa đất số 160 TĐĐ thu hồi số 2 theo thông tin địa chính là thừa đất số 78 TĐĐ số 2 đang quy chủ cho bà Nguyễn Thị Bé được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 049194 ngày cấp 13/7/2016.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 0,6 m² thuộc thửa 160 TĐĐ số 2 bản đồ giải phóng mặt bằng đang chồng lấn lên thửa đất số 123 TĐĐ số 2 quy chủ cho ông Nguyễn Văn Khánh, thực tế do hộ gia đình bà Nguyễn Thị Bé quản lý sử dụng, có nguồn gốc và mục đích sử dụng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 049194.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 8,9 m² thuộc thửa 160 TĐĐ số 2 bản đồ giải phóng mặt bằng đang chồng lấn lên thửa đất số 124 TĐĐ số 2 quy chủ đất DGT do UBND phường Quyết Tiến quản lý. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.</p>					
c	Về cây cối hoa màu				896.500	
1	Sản lượng chè (năng suất 16,3 tấn/ha/năm x 110m ² đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	179,3	5.000	896.500	
d	Về chính sách hỗ trợ				17.353.200	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm tại bảng giá đất)	m ²	101,2	111.000	11.233.200	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 11 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (4 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 3 tháng)	Kg	360	17.000	6.120.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				22.186.380	
9	Bà Lê Thị Khánh Hòa và ông Nguyễn Đức Hoàn					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 038179039049					
a	Về đất				36.134.210	
1	Diện tích thu hồi	m ²	992,8			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	928,9	38.900	36.134.210	
2,2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	50,1			Đất không đủ điều kiện bồi thường
2,3	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giáo dục do Trường Mầm non Bình Minh quản lý)	m ²	13,8			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1					

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 388, 401 TBD thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 258 TBD số 3 đang quy chủ cho bà Lê Thị Khánh Hòa được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CM 591132.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 50,1 m² thuộc thửa 388 TBD thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 245 TBD địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ đất DGT và Phần diện tích thu hồi 1,6 m² thuộc thửa 401 TBD thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 292 TBD địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ đất DGT do UBND phường quản lý.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 13,8 m² thuộc thửa 388 TBD thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 180 TBD địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ Trường Mầm non Bình Minh, phần diện tích đất trên thuộc diện tích đất đã thu hồi tại dự án Trường mầm non Quyết Thắng 2.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 6,6 m² thuộc thửa 401 TBD thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 309 TBD địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ bà Lê Thị Phúc, trên thực tế hộ gia đình bà Lê Thị Khánh Hòa đang quản lý sử dụng, có cùng nguồn gốc và mục đích sử dụng với giấy chứng nhận số CM 591132. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
c	Về cây cối hoa màu				22.684.699	
1	Cây đào R= 2-4m (Năng suất 2,43 tấn/ha * 3 cây * 13 năm chu kỳ kinh doanh còn lại)	kg	225,64	7.200	1.624.629	
2	Cây ổi trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 7,44 tấn/ha * 5 năm còn lại chu kỳ kinh doanh)	kg	70,86	3.900	276.343	
3	Cây đào trồng hạt năm thứ 4 (Năng suất 2,43 tấn/ha * 2 cây * 16 năm chu kỳ kinh doanh còn lại)	kg	185,14	7.200	1.333.029	
4	Cây đu đủ đã cho thu hoạch (năng suất 5,012 tấn/ha * 8 cây) (tính định mức kinh tế kỹ thuật bằng cây chuối tiêu)	kg	20,05	19.100	382.917	
5	Cây cau D= 5-10 cm	Cây	7	90.200	631.400	
6	Cây mận trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 4,046 tấn/ha * 16 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	154,13	7.200	1.109.760	
7	Cây bơ trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 6,939 tấn/ha * 26 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	859,11	2.100	1.804.140	
8	7 Cây chuối đã có buồng (20kg/buồng) (năng suất 11,034 tấn/ha x 7 cây x mật độ 2100 cây/ha)					
9	Cây chuối cao trên 1,2m chưa buồng (năng suất 11,034 tấn/ha * 20 cây * mật độ 2100 cây/ha)	kg	31.88826	9.900	315.694	
10	Cây chuối cao dưới 1,2m chưa buồng (năng suất 11,034 tấn/ha * 10 cây * mật độ 2100 cây/ha)					
11	Cây doi trồng hạt năm thứ 4 (tính bằng cây bơ năng suất 6,939 tấn/ha * 1 cây * 26 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	859,11	7.500	6.443.357	
12	Cây mộc hương 1m6 (Tính bằng cây gù hương năm thứ 3)	Cây	2	159.000	318.000	
13	Cây nhãn trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 4,054 tấn/ha * 24 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	231,66	3.700	857.131	
14	Chuối mô kết 3 khóm (3m ² /khóm) (tính bằng hàng rào cây sống, cây cảnh)	m	9	7.200	64.800	
15	Cây rong riềng (năng suất 55 tấn/ha * 10m ²)	kg	55	1.900	104.500	
16	Giàn Thiên lý leo kín giàn (tính bằng đậu leo giàn)	m ²	10	8.400	84.000	
17	Sản lượng chè (900m ² * 16,3 tấn/ha/năm đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	1467	5.000	7.335.000	
d	Về chính sách hỗ trợ				115.347.900	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm tại bảng giá đất)	m ²	928,9	111.000	103.107.900	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 91,3% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (3 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 12 tháng)	Kg	720	17.000	12.240.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				174.166.809	
10	Ông NGUYỄN CÔNG HÒA và bà Nguyễn Thị Lan					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 5, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 034087013524					
a	Về đất				15.735.050	
1	Diện tích thu hồi	m ²	426,4			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	404,5	38.900	15.735.050	
2,2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	21,9			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 411 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 277 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho ông Nguyễn Công Hòa được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CL 474413 ngày cấp 26/12/2017.</p> <p>Thửa đất số 364 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính có phần diện tích 1,2 m² thuộc thửa đất số 277 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho ông Nguyễn Công Hòa được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CL 474413 ngày cấp 26/12/2017,</p> <p>Phần diện tích 21,9 m² thuộc thửa 245 TĐĐ số 3 đang quy chủ đất DGT do UBND phường quản lý, Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
b	Về cây cối hoa màu				3.286.895	
1	Sản lượng chè (sản lượng 16,3 tấn/ha/năm x 403.3 m ² đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	657	5.000	3.286.895	
c	Về chính sách hỗ trợ				75.499.500	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm tại bảng giá đất)	m ²	404,5	111.000	44.899.500	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 98,6% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (5 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 12 tháng)	Kg	1800	17.000	30.600.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				94.521.445	
11	Ông NGUYỄN NGỌC DU và bà Nguyễn Thị Quỳ					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 5, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 034054008409					
a	Về đất				3.353.180	
1	Diện tích thu hồi	m ²	86,2			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	86,2	38.900	3.353.180	
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 325, TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 83, TĐĐ số 3 đang quy chủ cho ông Nguyễn Ngọc Du được UBND thành phố Lai Châu cấp GCNQSD đất số BQ450153 ngày 18/12/2014. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.</p>					

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Nguyễn Ngọc Du tạo lập vào năm 2018 trên đất nông nghiệp, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng mục đích sử dụng đất, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, sử dụng ổn định, không tranh chấp)				5.215.400	
1	Đường dây điện Trần Phú hỗ trợ lắp đặt khoảng cách ≤ 50m	m	700	6.200	4.340.000	
2	Cột điện BTCT 0.15m*0.15m*6m	cột	1	437.700	437.700	
3	Cột điện thép mã kèm fđ 45 cao 6m đỡ dây điện	Cột	1	437.700	437.700	
c	Về cây cối hoa màu				19.289.572	
1	1 Cây xoan đường kính D 46cm, (C 1,44m) cao h 15m	m ³	1,24	2.200.000	2.723.466	
2	5 Cây mỡ đường kính D 30cm, (C 0,942m) cao 15m	m ³	2,65	2.200.000	5.827.319	
3	4 Cây mỡ đường kính D 25cm, (C 0,785m) cao 13m	m ³	1,28	1.375.000	1.753.591	
4	1 Cây xoan đường kính D 50cm, (C 1,57m) cao 15m	m ³	1,47	2.200.000	3.237.400	
5	1 Cây xoan đường kính D 25cm, (C 0,785m) cao 10m	m ³	0,25	1.375.000	337.229	
6	3 Cây xoan đường kính D 35cm, (C 1,099m) cao 15m (ảnh hưởng)	m ³	2,16	2.200.000	4.758.978	
7	1 Cây xoan đường kính D 20cm, (C 0,628m) cao 8m	m ³	0,13	1.375.000	172.661	
8	Cây nhãn bán kính phát tán R>4m (năng suất 4,054 tấn/ha *2 năm còn lại của chu kì kinh doanh)	kg	19,30	3.700	71.428	
9	Sản lượng chè (năng suất 16,3 tấn/ha/năm x 45 m2 đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	81,5	5.000	407.500	
d	Về chính sách hỗ trợ				-	
1	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 11 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi 0,047% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (2 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 3 tháng)		0	0	0	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				27.858.152	
12	Ông Vũ Đức Hưng và bà Phan Thị Bích Thủy					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 5, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 012082000055					
a	Về đất				52.196.020	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1481,3			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1341,8	38.900	52.196.020	
2.2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	139,5			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 400 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 192 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho ông Vũ Đức Hưng được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ450135.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 12,0 m2 thuộc thửa đất số 400 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa 168 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ cho ông Vũ Xuân Thanh, trên thực tế hộ gia đình ông Vũ Đức Hưng đang quản lý sử dụng, có cùng nguồn gốc và mục đích sử dụng với giấy chứng nhận số BQ450135.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 139,5 m2 thuộc thửa 397 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 245 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ đất DGT do UBND phường quản lý, nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
c	Về cây cối hoa màu				13.591.989	
1	Sản lượng chè (sản lượng 16,3 tấn/ha/năm x 1400m2 đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	2282	5.000	11.410.000	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
2	Cây đào phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 2,43 tấn/ha đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	6	30.000	173.571	
3	Cây bơ phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 6,939 tấn/ha đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	33	30.000	991.286	
4	1 Cây vối lấy gỗ đường kính D 30cm, (C 0,942m) cao 8m	m ³	0,28	3.600.000	1.017.132	
d	Về chính sách hỗ trợ				6.120.000	
1	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 55% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (4 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	360	17.000	6.120.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				71.908.009	
13	Bà ĐẶNG THỊ CHUNG ĐỒ và ông Bùi Nam Chung					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 015185001790					
a	Về đất				34.994.440	
1	Diện tích thu hồi	m ²	921,5			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	899,6	38.900	34.994.440	
2,2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	21,6			Đất không đủ điều kiện bồi thường
2,3	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên diện tích thu hồi của Trường Mầm non Bình Minh)	m ²	0,3			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 373, 384 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 278 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho bà Đặng Thị Chung Đồ được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CL 474413 ngày cấp 26/12/2017.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 1,1 m² thuộc thửa 384 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 184 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ cho ông Dương Xuân Hải, trên thực tế hộ gia đình bà Đặng Thị Chung Đồ đang quản lý sử dụng, có cùng nguồn gốc và mục đích sử dụng với giấy chứng nhận số CL 474413.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 12,0 m², thuộc thửa 384 và diện tích 0,1 m² thuộc thửa 373 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 277 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ cho ông Nguyễn Công Hòa, trên thực tế hộ gia đình bà Đặng Thị Chung Đồ đang quản lý sử dụng, có cùng nguồn gốc và mục đích sử dụng với giấy chứng nhận số CL 474413. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 9,4 m² thuộc thửa 384 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 279 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ cho bà Lưu Thị Thanh, trên thực tế hộ gia đình bà Đặng Thị Chung Đồ đang quản lý sử dụng, có cùng nguồn gốc và mục đích sử dụng với giấy chứng nhận số CL 474413.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 0,3 m² thuộc thửa 373 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 180 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ Trường Mầm non Bình Minh, phần diện tích đất trên thuộc diện tích đất đã thu hồi tại dự án Trường mầm non Quyết Thắng 2.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 21,6 m² thuộc thửa 373 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 245 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ đất DGT. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
c	Về cây cối hoa màu				7.440.740	
1	Sản lượng chè (sản lượng 16,3 tấn/ha/năm x 899,6m ² đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	1466	5.000	7.331.740	
2	Cây xoan đào trồng năm thứ 4	Cây	1	109.000	109.000	
d	Về chính sách hỗ trợ				112.095.600	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm tại bảng giá đất)	m ²	899,6	111.000	99.855.600	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 64,1% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (4 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	720	17.000	12.240.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				154.530.780	
14	Bà ĐỖ THỊ HỒNG và ông Lương Văn Điển					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 5, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 004131001776					
a	Về đất				43.906.430	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1142,1			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1128,7	38.900	43.906.430	
2,2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	13,4			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 371, 409 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 116, 197 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho bà Đỗ Thị hồng được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 450122 ngày cấp 18/12/2014.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 2,8 m² thuộc thửa 371 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 181 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ cho bà Thủy, trên thực tế hộ gia đình bà Đỗ Thị Hồng đang quản lý sử dụng, có cùng nguồn gốc và mục đích sử dụng với giấy chứng nhận số BQ 450122. Thửa đất số 406 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính thuộc thửa đất số 245 TĐĐ số 3 đang quy chủ đất DGT do UBND phường quản lý. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác chưa đo đạc hết diện tích sử dụng đất của gia đình.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản (khung sắt lưới B40) do bà Đỗ Thị Hồng tạo lập vào năm 2008 trên phần đất trồng cây lâu năm, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, sử dụng đúng mục đích.				1.722.600	
1	Khung sắt lưới B40 (10*1.8)	m ²	18	95.700	1.722.600	
c	Về cây cối hoa màu				35.282.462	
1	Sản lượng chè (năng suất 16,3 tấn/ha/năm x 950m ² đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	1548,5	5.000	7.742.500	
2	Cây bơ trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 6,939 tấn/ha * 4 cây * 26 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	3436,46	2.100	7.216.560	
3	Cây đào trồng hạt năm thứ 4 (Năng suất 2,43 tấn/ha * 3 cây * 16 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	277,71	7.200	1.999.543	
4	Cây đào trồng hạt năm thứ 2	Cây	3	184.100	552.300	
5	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 4 (năng suất (8,698 tấn/ha * 10 cây * 19 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	3934,81	2.600	10.230.505	
6	Cây xoan đào trồng năm thứ 2	Cây	1	65.000	65.000	
7	Cây bơ phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 6,939 tấn/ha * 3 cây * 20 năm)	kg	1982,57	2.100	4.163.400	
8	Cây nhãn phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 4,054 tấn/ha * 3 cây * 18 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	521,23	3.700	1.928.546	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
9	Cây nhân phát tán bán kính R >4m (năng suất 4,054 tấn/ha * 13 năm còn lại của chu kì kinh doanh)	kg	125,48	3.700	464.280	
10	Cây mít phát tán bán kính R >4m (năng suất 10,551 tấn/ha * 8 năm còn lại của chu kì kinh doanh)	kg	200,97	2.600	522.526	
11	3 Cây tùng đường kính tại vị trí 1, m là 17,5 cm (C 0,55m) cao 8m	m3	0,29	1.375.000	397.304	
d	VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ				135.995.700	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm tại bằng giá đất)	m ²	1128,7	111.000	125.285.700	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 11 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (8 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 3 tháng)	Kg	630	17.000	10.710.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				216.907.192	
15	Bà ĐẶNG THỊ QUY và ông Phan Tiến Hùng					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 3, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 012169000466					
a	VỀ ĐẤT				17.298.830	
1	Diện tích thu hồi	m ²	560,3			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	444,7	38.900	17.298.830	
2,2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	48,5			Đất không đủ điều kiện bồi thường
2,3	Phần diện tích đất đã thu hồi dự án: Sân gạt mặt bằng Trường tiểu học Quyết Thắng II		67,1			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 142 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 142 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho bà Đặng Thị Quy được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 450120 ngày cấp 04/6/2015.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 38,1 m² thuộc thửa 142 TĐĐ số 2 bản đồ giải phóng mặt bằng đang chồng lấn lên thửa đất số 150 TĐĐ số 3 đã cấp giấy chứng nhận số BX 792478 cho ông Nguyễn Tiến Quý, thực tế do hộ gia đình bà Đặng Thị Quy đang quản lý sử dụng, có nguồn gốc như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 2,4 m² thuộc thửa 142 TĐĐ số 2 bản đồ giải phóng mặt bằng đang chồng lấn lên thửa đất số 132 TĐĐ số 3 đã cấp giấy chứng nhận số BQ 450654 cho ông Nguyễn Văn Lực, thực tế do hộ gia đình bà Đặng Thị Quy đang quản lý sử dụng, có nguồn gốc như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.</p> <p>Thửa đất số 236 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 1236 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho bà Đặng Thị Quy được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 450120.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 48,5 m² thuộc thửa 142 TĐĐ số 2 bản đồ giải phóng mặt bằng đang chồng lấn lên thửa đất số 245 TĐĐ số 3 quy chủ đất DGT do UBND phường quản lý, Nguyên nhân chồng lấn là do sai số giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
c	VỀ CÂY CỐI HOA MÀU				23.033.507	
1	Sản lượng chè (năng suất 16,3 tấn/ha/năm x 450m ² đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	733,5	5.000	3.667.500	
2	Cây nhân trồng hạt năm thứ 3	cây	1	173.900	173.900	
3	Cây mít trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 10,551 tấn/ha * 19 năm còn lại của chu kì kinh doanh)	kg	477,31	2.600	1.240.999	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
4	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 4 (năng suất (8,698 tấn/ha * 3 cây * 19 năm)	kg	1180,44	2.600	3.069.151	
5	Cây xoài trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 4,161 tấn/ha * 5 cây * 14 năm)	kg	693,50	5.800	4.022.300	
6	Cây ôi trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 7,44 tấn/ha * 4 cây * 5 năm còn lại chu kì kinh doanh))	kg	283,43	3.900	1.105.371	
7	Cây ôi phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 7,44 tấn/ha * 4 cây * 2 năm còn lại chu kì kinh doanh)	kg	113,37	3.900	442.149	
8	Cây đào phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 2,43 tấn/ha * 10 cây * 13 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	752,14	7.200	5.415.429	
9	Cây đào phát tán bán kính R>4m (năng suất 2,43 tấn/ha * 4 cây * 13 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	300,86	7.200	2.166.171	
10	1 Cây long não lấy gỗ đường kính D 35cm, (C 1,099m) cao 10m	m ³	0,48	3.600.000	1.730.537	
d	Về chính sách hỗ trợ				64.661.700	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm tại bảng giá đất)	m ²	444,7	111.000	49.361.700	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 35,5% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (6 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	900	17.000	15.300.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				104.994.037	
16	Ông BÙI VĂN HẠNH và bà Trịnh Thị Cương					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 037059003851					
a	Về đất				6.060.960	
1	Diện tích thu hồi	m ²	164,7			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây hằng năm	m ²	164,7	36.800	6.060.960	
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 143 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 143 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho ông Bùi Văn Hạnh có nguồn gốc nhận tặng cho quyền sử dụng đất của bố mẹ là Bùi Văn Đức và bà Phạm Thị Bé năm 1986 (không có giấy tờ), đất của ông Đức và bà Bé khai hoang từ năm 1965 sử dụng vào mục đích trồng cây hằng năm.</p> <p>Phần diện tích 3,4 m² thuộc thửa đất số 143 TĐĐ thu hồi số 3 theo hồ sơ địa chính đang chồng lấn lên thửa đất số 144 TĐĐ số 3 quy chủ cho ông Nguyễn Tiến Quý. Hiện trạng do hộ gia đình ông Bùi Văn Hạnh đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc như trên. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Phần diện tích 2,8 m² thuộc thửa đất số 143 TĐĐ thu hồi số 3 theo hồ sơ địa chính đang chồng lấn lên thửa đất số 150 TĐĐ số 3 quy chủ cho ông Nguyễn Tiến Quý. Hiện trạng do hộ gia đình ông Bùi Văn Hạnh đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc như trên. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
c	Về cây cối hoa màu				4.161.459	
1	Cây sưa lấy gỗ trồng năm thứ 2	Cây	1	66.000	66.000	
2	Cây chuối cao trên 1,2m chưa buồng (năng suất 11,034 tấn/ha * 35 cây * mật độ 2100 cây/ha)	kg	183,90	9.900	1.820.610	
3	Cây chuối cao dưới 1,2m (năng suất 11,034 tấn/ha * 20 cây * mật độ 2100 cây/ha)	kg	105,09	9.900	1.040.349	
4	Cây rau ngót (8 tấn/ha) * 15m ²	kg	12	11.000	132.000	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
5	Cây khoai Tam Đảo (năng suất 14,7 tấn/ha * 100m ²)	kg	147	7.500	1.102.500	
d	Về chính sách hỗ trợ				23.413.500	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất bằng trồng cây hằng năm tại bảng giá đất)	m ²	164,7	105.000	17.293.500	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 55,2% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (2 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	360	17.000	6.120.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				33.635.919	
17	Ông LÊ NGỌC LUẬN và bà Đỗ Thị Tươi					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 012074000533					
a	Về đất				4.247.880	
1	Diện tích thu hồi	m ²	109,2			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	109,2	38.900	4.247.880	
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thừa đất số 155 TĐĐ thu hồi số 2 theo thông tin địa chính là thửa đất số 66 TĐĐ số 2 đang quy chủ cho ông Lê Ngọc Luận có nguồn gốc nhận tặng cho quyền sử dụng đất của bố mẹ là bà Bùi Thị Kịch năm 2000 (không có giấy tờ), đất của bà Kịch khai hoang từ năm 1965 sử dụng vào mục đích trồng chè.</p> <p>Phần diện tích 23,8 m² thuộc thửa đất số 155 TĐĐ thu hồi số 2 theo hồ sơ địa chính đang chồng lấn lên thửa đất số 65 TĐĐ số 2 quy chủ cho ông Phạm Đức Thành. Hiện trạng do hộ gia đình ông Lê Ngọc Luận đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc như trên. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
c	Về cây cối hoa màu				5.853.027	
1	Sản lượng chè (năng suất 16,3 tấn/ha/năm x 90m ² đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	146,7	5.000	733.500	
2	Cây đào phát tán bán kính R >4m (năng suất 2,43 tấn/ha * 4 cây * 16 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	370,29	7.200	2.666.057	
3	Cây bưởi phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 8,698 tấn/ha * 2 cây * 19 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	786,96	2.600	2.046.101	
4	Cây chanh phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 3,189 tấn/ha * 9 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh) (tính định mức kinh tế kỹ thuật bằng cây cam)	kg	46,29	8.800	407.369	
d	Về chính sách hỗ trợ				19.771.200	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm tại bảng giá đất)	m ²	109,2	111.000	12.121.200	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 11 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (5 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 3 tháng)	Kg	450	17.000	7.650.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				29.872.107	
18	Bà NGÔ THỊ HẠNH và ông Nguyễn Mạnh Tuấn					

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	Địa chỉ thường trú: Tổ 2, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 010190001564					
a	Về đất				214.510.160	
1	Diện tích thu hồi	m ²	5514,4			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	5514,4	38.900	214.510.160	
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 361 TBD thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 136; 153 TBD số 3 đã được cấp GCN QSD đất số BQ 450124 ngày cấp 18/12/2014.</p> <p>Phần diện tích thu hồi đang chồng lấn lên thửa đất số 107 TBD địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ cho bà Đỗ Thị Hà đã được cấp GCN QSD đất số BQ 185646 được UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 24/9/2013 trên thực tế gia đình bà Ngô Thị Hạnh đang quản lý sử dụng, có cùng nguồn gốc và mục đích với GCN số BQ 450124. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.</p>					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Nguyễn Đình Choãn tạo lập vào năm 2018 và cho con gái là bà Ngô Thị Hạnh trên đất nông nghiệp, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản tạo lập đúng mục đích sử dụng đất, trước khi có kế hoạch sử dụng đất, sử dụng ổn định, không tranh chấp)				352.500	
1	Khối lượng đào đắp đất thủ công (1*1*2) (CxRxD)	m ³	2	103.500	207.000	
2	Láng VXM dày 3 cm (2*1.5)	m ²	3	48.500	145.500	
c	Về cây cối hoa màu				159.908.630	
1	Sản lượng chè (sản lượng 16,3 tấn/ha/năm x 5000 m ² đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	8150	5.000	40.750.000	
2	Cây mít phát tán bán kính R 6m (năng suất 10,551 tấn/ha * 2 cây đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	50,24	30.000	1.507.286	
3	Cây nhãn phát tán bán kính R 5m (Năng suất 4,054 tấn/ha * 12 cây * 4 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	463,31	3.700	1.714.263	
4	Cây nhãn phát tán bán kính R 4,5m (Năng suất 4,054 tấn/ha * (33,33) m ² * 4 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	38,61	3.700	142.855	
5	Cây nhãn phát tán bán kính R 3m (Năng suất 4,054 tấn/ha * 7 cây * 6 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	405,40	3.700	1.499.980	
6	Cây nhãn phát tán bán kính R 2m (Năng suất 4,054 tấn/ha * 6 cây * 6 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	347,49	3.700	1.285.697	
7	Cây nhãn phát tán bán kính R 1,5m (Năng suất 4,054 tấn/ha * 8 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	77,22	3.700	285.710	
8	Cây nhãn phát tán bán kính R 1m (Năng suất 4,054 tấn/ha * 14 cây * 12 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	1621,60	3.700	5.999.920	
9	Cây mít phát tán bán kính R 5m (năng suất 10,551 tấn/ha hết chu kỳ kinh doanh)	kg	25,12	30.000	753.643	
10	Cây mít phát tán bán kính R 6m (năng suất 10,551 tấn/ha * 3 cây đã hết của chu kỳ kinh doanh)	kg	75,36	30.000	2.260.929	
11	Cây mỡ trồng năm thứ 3	Cây	1	58.000	58.000	
12	Cây mỡ trồng năm thứ 5	Cây	1	69.000	69.000	
13	Cây xoan đào trồng từ 4-5 năm	Cây	11	109.000	1.199.000	
14	2 Cây xoan đường kính D 50cm, (C 1,57m) cao 15m	m ³	2,94	2.200.000	6.474.799	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
15	1 Cây xoan lấy gỗ đường kính D 40cm, (C 1,256m) cao 15m	m ³	0,94	2.200.000	2.071.936	
16	1 Cây long não đường kính D 30cm, (C 0,942m) cao 6m	m ³	0,21	3.600.000	762.849	
17	4 Cây lấy gỗ D 25cm, (C 0,785m) cao h 10cm	m ³	0,98	950.000	931.979	
18	74 Cây xoan đường kính D 20cm, (C 0,628m) cao 15m	m ³	17,42	1.375.000	23.956.757	
19	5 Cây xoan đường kính D 20cm, (C 0,628m) cao 7m	m ³	0,55	1.375.000	755.393	
20	3 Cây xoan đường kính D 15cm, (C 0,471m) cao 6m	m ³	0,16	1.375.000	218.524	
21	21 Cây xoan đường kính D 15cm, (C 0,471m) cao 7m	m ³	1,30	1.375.000	1.784.617	
22	1 Cây xoan đường kính D 10cm, (C 0,314m) cao 7m	m ³	0,03	1.375.000	37.770	
23	1 Cây xoan lấy gỗ đường kính D 10cm, (C 0,314m) cao 5m	m ³	0,02	1.375.000	26.978	
24	2 Cây mỡ lấy gỗ đường kính D 10cm, (C 0,314m) cao 3m	Cây	0,02	1.375.000	32.374	
25	Cây mít trồng năm thứ 5 (năng suất 10,551 tấn/ha * 18 năm còn lại của chu kì kinh doanh)	kg	452,19	2.600	1.175.683	
26	Cây mít trồng hạt năm thứ 3	Cây	1	451.700	451.700	
27	Cây nhãn trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 4,054 tấn/ha * 2 cây * 24 năm còn lại của chu kì kinh doanh)	kg	463,31	3.700	1.714.263	
28	Cây mít trồng hạt năm thứ 5 (năng suất 10,551 tấn/ha * 3 cây * 18 năm còn lại của chu kì kinh doanh)	kg	1356,56	2.600	3.527.049	
29	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 5 (năng suất 8,698 tấn/ha * 18 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	372,77	2.600	969.206	
30	Cây nhãn trồng hạt năm thứ 5 (năng suất 4,054 tấn/ha * 3 cây * 23 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	666,01	3.700	2.464.253	
31	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 8,698 tấn/ha * 19 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	393,48	2.600	1.023.050	
32	Cây ôi phát tán bán kính R 4m (năng suất 7,44 tấn/ha đã hết chu kì kinh doanh)	kg	14,17	30.000	425.143	
33	Cây trứng gà trồng hạt năm thứ 3	Cây	1	221.000	221.000	
34	Cây bơ trồng hạt năm thứ 3	Cây	1	493.400	493.400	
35	Cây ôi phát tán bán kính R 3m (năng suất 7,44 tấn/ha * 3 cây hết chu kì kinh doanh)	kg	42,51	30.000	1.275.429	
36	Cây ôi phát tán bán kính R 2m (năng suất 7,44 tấn/ha * 2 cây đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	28,34	30.000	850.286	
37	Cây trứng gà phát tán bán kính R 4m (năng suất 6,5 tấn/ha x (định mức tính bằng cây hồng) x 1 cây x 12 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	Kg	123,81	6.800	841.905	
38	Cây bưởi phát tán bán kính R 3m (năng suất 8,698 tấn/ha * 12 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	248,51	2.600	646.137	
39	Cây bưởi phát tán bán kính R 2m (năng suất 8,698 tấn/ha * 14 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	289,93	2.600	753.827	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
40	Cây mận phát tán bán kính R 2m (năng suất 4,046 tấn/ha * 4 cây * 10 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	385,33	7.200	2.774.400	
41	Cây cóc phát tán bán kính 3m (năng suất và định mức kỹ thuật tính bằng cây mận 4,046 tấn/ha * 10 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	96,33	7.500	722.500	
42	Cây vải phát tán bán kính R 2m (năng suất 2,977 tấn/ha * 20 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	Kg	141,76	3.700	524.519	
43	Hàng rào cây sống	m	200	7.200	1.440.000	
44	Cây chanh phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 3,189 tấn/ha * 5 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh) (tính định mức kinh tế kỹ thuật bằng cây cam)	kg	25,72	8.800	226.316	
45	Cây tre đường kính D 5-10cm	Cây	200	61.100	12.220.000	
46	Cây tre có đường kính gốc dưới 05cm	Cây	100	61.100	6.110.000	
47	2 Cây long não đường kính D 40cm, (C 1,256m) cao 16m	m ³	2,01	3.600.000	7.232.939	
48	Cây mỡ đường kính D 70cm, (C 2,198m) cao 15m	m ³	2,88	2.200.000	6.345.303	
49	Cây mỡ đường kính D 50cm, (C 1,57m) cao 15m	m ³	1,47	2.200.000	3.237.400	
50	Cây mỡ đường kính D 45cm, (C 1,413m) cao 15m	m ³	1,19	2.200.000	2.622.294	
51	2 Cây mỡ đường kính D 40cm, (C 1,256m) cao 15m	m ³	1,88	2.200.000	4.143.872	
52	Cây nhãn phát tán bán kính R >4m (năng suất 4,054 tấn/ha * 4 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	38,61	3.700	142.855	
53	Cây mít phát tán bán kính R >4m (năng suất 10,551 tấn/ha đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	25,12	30.000	753.643	
d	Về chính sách hỗ trợ				621.278.400	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm tại bảng giá đất)	m ²	5514,4	111.000	612.098.400	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 63,9% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (4 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	540	17.000	9.180.000	
e	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d-f)	đồng			996.049.690	
19	Ông Lê Tài Khuyến và bà Phạm Thị Là					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 4, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 030057007497					
a	Về đất				22.896.540	
1	Diện tích thu hồi	m ²	642,9			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	588,6	38.900	22.896.540	
2.2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	54,3			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1					

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 368 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 165 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho ông Lê Tài Khuyến được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 450143 ngày cấp 18/12/2014.</p> <p>Thửa đất số 375 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính thuộc thửa đất số 245 TĐĐ số 3 đang quy chủ đất DGT do UBND phường quản lý. Nguyên nhân chồng lấn là do sai số giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
c	Về cây cối hoa màu				4.797.090	
1	Sản lượng chè (sản lượng 16,3 tấn/ha/năm x 588.6 m2 đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	959,418	5.000	4.797.090	
d	Về chính sách hỗ trợ				74.514.600	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm tại bằng giá đất)	m ²	588,6	111.000	65.334.600	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 46,6% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (6 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	540	17.000	9.180.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				102.208.230	
20	Ông Nguyễn Văn Khánh và bà Nguyễn Thị Út					
	Địa chỉ thường trú: Đại Bái, Gia Bình, Bắc Ninh					
	Số định danh cá nhân: 027075009209					
a	Về đất				47.485.230	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1245,3			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1220,7	38.900	47.485.230	
2,2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	24,6			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Phần diện tích thu hồi 1045,3 m2 thuộc thửa đất số 121; 123; 159 thuộc tờ bản đồ thu hồi số 2 theo thông tin địa chính là thửa đất số 121 tờ bản đồ số 2 mang tên bà Nguyễn Thị Nga chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Gia đình ông Khánh nhận chuyển nhượng từ năm 2007 (không có giấy tờ); thửa đất số 123 tờ bản đồ số 2 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BQ 450612 được UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 29/12/2014.</p> <p>Thửa đất số 159 TĐĐ số 2 đang quy đất DGT nguyên nhân là do sai số giữa các lần đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
c	Về cây cối hoa màu				27.694.043	
1	Cây đào phát tán bán kính R>4m (năng suất 2,43 tấn/ha x 2 cây x 11 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	127,29	7.200	916.457	
2	Cây đào trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 2,43 tấn/ha x 17 cây x 16 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	1573,71	7.200	11.330.743	
3	Cây đào R= 2-4m (năng suất 2,43 tấn/ha x 8 cây x 14 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	Cây	648,00	7.200	4.665.600	
4	3 Cây xoan D=35cm, (C 1,099m) cao 16m	m3	2,31	2.200.000	5.076.243	
5	Sản lượng chè (16,3 tấn/ha x 700m2 đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	1141	5.000	5.705.000	
d	Về chính sách hỗ trợ				147.737.700	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm tại bảng giá đất)	m ²	1220,7	111.000	135.497.700	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 44,36% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (4 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	720	17.000	12.240.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				222.916.973	
21	Ông Nguyễn Đức Tuấn và bà Nguyễn Thị Hòa					
	Địa chỉ thường trú: Đại Bái, Gia Bình, Bắc Ninh					
	Số định danh cá nhân: 027082008231					
a	Về đất				41.125.080	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1057,2			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1057,2	38.900	41.125.080	
	Vị trí: Vị trí 1					
	Nguồn gốc: Thửa đất số 119 TBĐ thu hồi số 2 theo thông tin địa chính là thửa đất số 119 TBĐ số 2 đang quy chủ cho ông Nguyễn Đức Tuấn được UBND thành phố Lai Châu cấp GCN QSD đất số BQ 450609 ngày cấp 29/12/2014. Toàn bộ diện tích thu hồi sử dụng ổn định không tranh chấp.					
c	Về cây cối hoa màu				25.472.789	
1	Cây ôi R= 1-2 m (năng suất 7,44 tấn/ha x 6 cây x 4 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	340,11	3.900	1.326.446	
2	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 2,43 tấn/ha x 24 cây x 16 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	2221,71	7.200	15.996.343	
3	Sản lượng chè (16,3 tấn/ha x 1000m2 đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	1630	5.000	8.150.000	
d	Về chính sách hỗ trợ				141.829.200	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm tại bảng giá đất)	m ²	1057,2	111.000	117.349.200	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 90,2% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (4 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 12 tháng)	Kg	1440	17.000	24.480.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				208.427.069	
22	Ông Nguyễn Văn Duy và bà Nguyễn Thị Huyền					
	Địa chỉ thường trú: Đại Bái, Gia Bình, Bắc Ninh					
	Số định danh cá nhân: 027097008618					
a	Về đất				51.966.510	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1335,9			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1335,9	38.900	51.966.510	
	Vị trí: Vị trí 1					

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 120 TĐĐ thu hồi số 2 theo thông tin địa chính là thửa đất số 120 TĐĐ số 2 đang quy chủ cho ông Nguyễn Văn Duy được UBND thành phố Lai Châu cấp GCN QSD đất số BQ 450610 ngày cấp 29/12/2014.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 14,3 m² thuộc thửa 120 TĐĐ số 2 đang chồng lấn lên thửa đất số 65 TĐĐ số 2 quy chủ cho ông Phạm Đức Thành, thực tế do hộ gia đình ông Nguyễn Văn Duy đang quản lý sử dụng, có nguồn gốc như GCNQSD đất đã cấp. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi sử dụng ổn định không tranh chấp.</p>					
c	Về cây cối hoa màu				52.732.177	
1	Cây nhãn R = 1-2 m (năng suất 4,054 tấn/ha x 3 cây x 23 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	666,01	3.700	2.464.253	
2	Cây bưởi R = 2-4 m (năng suất 8,698 tấn/ha x 3 cây x 16 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	994,06	2.600	2.584.549	
3	Cây bưởi R = 1-2 m (năng suất 8,698 tấn/ha x 4 cây x 18 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	1491,09	2.600	3.876.823	
4	Cây Xoài R = 1-2 m (năng suất 4,161 tấn/ha x 2 cây x 13 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	257,59	5.800	1.493.997	
5	Cây đào R>4m (năng suất 2,43 tấn/ha x 2 cây x 11 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	127,29	7.200	916.457	
6	Cây đào R = 1-2 m (năng suất 2,43 tấn/ha x 3 cây x 16 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	277,71	7.200	1.999.543	
7	Cây ổi R = 1-2m (năng suất 7,44 tấn/ha x 2 cây x 5 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	141,71	3.900	552.686	
8	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 2,43 tấn/ha x 36 cây x 16 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	3332,57	7.200	23.994.514	
9	4 cây xoan D 30 cm, C 0,942m, cao 15 m	m ³	2,12	2.200.000	4.661.856	
10	Sản lượng chè (16,3 tấn/ha x 1250m ² đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	2037,5	5.000	10.187.500	
d	Về chính sách hỗ trợ				166.644.900	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm tại bằng giá đất)	m ²	1335,9	111.000	148.284.900	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 100% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (3 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 12 tháng)	Kg	1080	17.000	18.360.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				271.343.587	
23	Tên tổ chức: Trường Mầm non Bình Minh					
	Địa chỉ trụ sở làm việc: Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
a	Về đất				-	
1	Diện tích thu hồi	m ²	229			
2	Loại đất:					
2,1	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	m ²	229			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất tại bản đồ thu hồi là thửa 363, Tờ bản đồ số 3, diện tích 229 m², bản đồ địa chính UBND phường Quản lý là thửa đất số 180 tờ bản đồ số 3, loại đất DGD đã được cấp GCN QSD đất số BL020054. Toàn bộ diện tích thu hồi sử dụng ổn định, không tranh chấp</p>					

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản được tạo lập vào năm 2011, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính, tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất. Toàn bộ tài sản sử dụng đúng mục đích sử dụng đất)				101.652.320	
1	Tường xây gạch bi T12cm (76*0.5)	m ²	38	160.100	6.083.800	
2	Kè đá xây (76*0.4*0.5)	m ²	15,2	492.500	7.486.000	
3	Ống nước HDPE fi 21	m	100	5.273	527.300	
4	Cọc BTCT	Cọc	12	163.000	1.956.000	
5	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (70*6)	m ²	420	104.800	44.016.000	
6	Tường xây gạch đỏ T11cm (12*0.4)	m ²	4,8	343.500	1.648.800	
7	Hàng rào khung sắt (3.7*0.8)	m ²	2,96	319.800	946.608	
8	Trụ công xây gạch đỏ (0.25*0.25*1.4)	m ³	0,088	1.238.800	108.395	
9	Trát VXM không đánh màu (0.25*1.4)*4	m ²	1,4	34.500	48.300	
10	Lu sơn các loại (0.25*1.4)*4	m ²	1,4	30.400	42.560	
11	Tường xây gạch đỏ T11cm (3.7*0.5)	m ²	1,85	343.500	635.475	
12	Trát VXM không đánh màu (3.7*0.5)*2	m ²	3,7	34.500	127.650	
13	Lu sơn các loại (3.7*0.5)*2	m ²	3,7	30.400	112.480	
14	Nền lát gạch Block (tính bằng nền lát gạch chỉ lót VXM) (12*1.5)+(5*3)	m ²	33	70.300	2.319.900	
15	Nền lát gạch Block (tính bằng nền lát gạch chỉ lót VXM) (12*1)	m ²	12	70.300	843.600	
16	Tường xây gạch đỏ T11cm (2*0.5)	m ²	1	343.500	343.500	
17	Trát VXM không đánh màu (2*0.5)*2	m ²	2	34.500	69.000	
18	Lu sơn các loại (2*0.5)*2	m ²	2	30.400	60.800	
19	Hàng rào khung sắt (2*0.8)	m ²	1,6	319.800	511.680	
20	Hàng rào khung sắt (2.8*1.4)*24	m ²	94,08	319.800	30.086.784	
21	Trụ công xây gạch đỏ (0.25*0.25*1.9)*25	m ³	2,97	1.238.800	3.677.688	
c	Về cây cối hoa màu				1.635.000	
1	Cây sấu phát tán bán kính R >4m (năm 4 trở đi)	Cây	3	109.000	327.000	
2	Cây osaka đường kính gốc D >25cm	Cây	1	109.000	109.000	
3	Cây hoàng yến đường kính gốc D 10-25cm	Cây	2	109.000	218.000	
4	Cây tùng đường kính gốc D >25cm	Cây	9	109.000	981.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d).				103.287.320	
24	Bà LÊ THỊ THÚY và ông ĐỖ Quang Minh					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 5, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 012077004443					
a	Về đất				64.363.200	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1749			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác	m ²	1749	36.800	64.363.200	
	Vị trí: Vị trí 1					

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 359 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 135 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho bà Lê Thị Thúy được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 450148 ngày cấp 18/12/2014.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 201,5 m² thuộc thửa 359 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 116 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ cho bà Đỗ Thị Hồng, trên thực tế hộ gia đình bà Lê Thị Thúy đang quản lý sử dụng, có cùng nguồn gốc và mục đích sử dụng với giấy chứng nhận số BQ 450148.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 20,4 m² thuộc thửa 359 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 136 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến và phần diện tích thu hồi 13,8 m² thuộc thửa 359 TĐĐ thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 153 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ cho ông Nguyễn Mạnh Tuấn, trên thực tế hộ gia đình bà Lê Thị Thúy đang quản lý sử dụng, có cùng nguồn gốc và mục đích sử dụng với giấy chứng nhận số BQ 450148. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do bà Lê Thị Thúy tạo lập vào năm 2005 trên đất nông nghiệp, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, các tài sản sử dụng mục đích để ở sai mục đích, các tài sản còn lại sử dụng đúng mục đích)				48.276.659	
	<i>Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, bồi thường 50% giá trị theo quy định tại điểm c, Khoản 6, Điều 17 Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu</i>					
1	Nhà xây gạch bi tường 12cm không hiện BTCT, mái lợp ngói bro xi măng, nền láng VXM, sơn trát đầy đủ, cao 3,4m (7.4*4.8) (trừ đơn giá trần tấm nhựa 123.200 đ)	m ²	35,52	900.600	31.989.312	
2	Bậc tam cấp xây gạch bi (2.3*7.4*0.2)	m ³	3,404	342.800	1.166.891	
3	Tấm đan BTCT (2.8*0.7*0.1)	m ³	0,196	873.900	171.284	
	<i>Tài sản xây dựng đúng mục đích sử dụng đất, bồi thường 100% giá trị theo quy định tại điểm c, Khoản 6, Điều 17 Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu</i>					
1	Tường xây gạch bi T 12cm ((1.7*0.7)*2)+((0.9*0.7)*2)	m ²	3,64	160.100	582.764	
2	Gạch ốp liền doanh (0.9*0.7)*9+(0.9*0.2)*8	m ³	7,11	295.300	2.099.583	
3	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (7.8*4)	m ²	31,2	104.800	3.269.760	
4	Tường xây gạch bi T12 cm (11.8*0.4)	m ²	4,72	160.100	755.672	
5	Kè đá xây (1.0*16*0.4)	m ³	6,4	492.500	3.152.000	
6	Bể xây gạch bi T12cm, trát đầy đủ, có nắp BTCT, thể tích V<6m ³ (2.5*1.7*1.4)	m ³	5,95	855.360	5.089.392	
c	Về cây cối hoa màu				59.079.689	
1	Sản lượng chè (16.3 tấn/ha/năm x 1100m ² đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	1793	5.000	8.965.000	
2	Cây mận phát tán bán kính R>4m (năng suất 4,046 tấn/ha x 1 cây đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	9,63	60.000	578.000	
3	Cây trứng gà phát tán bán kính R>4m (năng suất 6,5 tấn/ha (tính định mức kinh tế kỹ thuật bằng cây hồng) x 1 cây hết chu kỳ kinh doanh)	kg	10,32	20.000	206.349	
4	Cây ôi trồng hạt năm thứ 3 (năng suất 7,44 tấn/ha x 3 cây x 6 năm còn lại của chu kì kinh doanh)	kg	255,09	3.900	994.834	
5	Cây xoan đào năm thứ 2	Cây	15	65.000	975.000	
6	Cây trứng gà phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 6,5 tấn/ha x (tính định mức KTKT bằng cây hồng) x 1 cây hết chu kỳ kinh doanh)	kg	10,32	20.000	206.349	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
7	Cây ôi phát tán bán kính R >4m (năng suất 7,44 tấn/ha x 2 cây đã hết chu kì kinh doanh)	kg	28,34	30.000	850.286	
8	Cây mít phát tán bán kính R >4m (năng suất 10,551 tấn/ha đã hết chu kì kinh doanh)	kg	25,12	30.000	753.643	
9	Cây chuối chưa buồng cao h>1,2m (năng suất 11,034 tấn/ha x 20 cây x mật độ 2100 cây/ha)	kg	105,09	9.900	1.040.349	
10	Cây chuối chưa buồng cao dưới 1,2m (năng suất 11,034 tấn/ha x 20 cây x mật độ 2100 cây/ha)	kg	105,09	9.900	1.040.349	
11	Cây đào ăn quả trồng hạt năm thứ 3	Cây	3	235.100	705.300	
12	Cây quất hồng bì phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 4,054 tấn/ha * 1 cây hết chu kỳ kinh doanh) (tính định mức kinh tế kỹ thuật bằng cây nhân)	kg	9,65	60.000	579.143	
13	Cây tre đường kính gốc D 5-10cm	Cây	35	61.100	2.138.500	
14	Cây tre đường kính gốc D>10cm	Cây	20	61.100	1.222.000	
15	Cây tre non (măng)	Cây	15	36.600	549.000	
16	Cây xoài phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 4,161 tấn/ha x 1 cây đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	9,91	60.000	594.429	
17	Cây bưởi phát tán bán kính R>4m (năng suất 8,698 tấn/ha x 1 cây đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	20,71	50.000	1.035.476	
18	Cây bưởi phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 8,698 tấn/ha (21,745 kg/năm) x 1 cây đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	20,71	50.000	1.035.476	
19	Cây bưởi phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 8,698 tấn/ha (21,745 kg/năm) x 2 cây đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	41,42	50.000	2.070.952	
20	Cây long não đường kính D70cm, (C 2,198m) cao 20m	m ³	3,85	3.600.000	13.844.298	
21	3 Cây thông đường kính D 30cm, (C 0,942m) cao 10m	m ³	1,06	3.600.000	3.814.245	
22	5 Cây xoan đường kính D 10cm, (C 0,314m) cao 5m	m ³	0,10	2.200.000	215.827	
23	Cây thông đường kính D 20cm, (C 0,628m) cao 6m	m ³	0,09	950.000	89.470	
24	Cây keo đường kính D 40cm, (C 1,256m) cao 15m	m ³	0,94	3.600.000	3.390.440	
25	Cây xoan đào trồng năm thứ 5	Cây	2	109.000	218.000	
26	Cây thông đường kính D 40cm, (C 1,256m) cao 16m	m ³	1,00	3.600.000	3.616.470	
27	Cây thông đường kính D 40cm, (C 1,256m) cao 20m	m ³	1,26	3.600.000	4.520.587	
28	Cây xoan đường kính D 25cm, (C 0,785m) cao 15m	m ³	0,37	1.375.000	505.844	
29	Cây lấy gỗ đường kính D 35cm, (C 1,099m) cao 17m	m ³	0,82	1.350.000	1.103.218	
30	Cây xoan đường kính D 35cm, (C 1,099m) cao 21m	m ³	1,01	2.200.000	2.220.856	
d	VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ				205.065.000	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây hằng năm khác)	m ²	1749	105.000	183.645.000	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (7 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	1260	17.000	21.420.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				376.784.548	
25	Ông NGUYỄN TRUNG DŨNG và bà Trần Thị Hoài Phương					
	Địa chỉ thường trú và nơi ở hiện nay: SN 046 Hồ Xuân Hương, Tổ 11, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 030073009748					
a	Về đất				199.125.210	
1	Diện tích thu hồi	m ²	5358,4			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	5118,9	38.900	199.125.210	
2,2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	20,6			Đất không đủ điều kiện bồi thường
2,3	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất bằng chưa sử dụng do UBND phường quản lý)	m ²	218,9			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1, khu vực 1					
	<p>Nguồn gốc: Đất bà Trần Thị Hoài Phương bị thu hồi tại thửa đất số 349, tờ bản đồ thu hồi số 3 thuộc thửa đất số 71 tờ bản đồ địa chính số 3 phường Quyết Tiến được UBND thành phố Lai Châu cấp GCNQSD đất số CX 442328 ngày cấp 01/6/2021 mang tên Trần Thị Hoài Phương.</p> <p>Trong đó có diện tích bị chồng lấn cụ thể: Diện tích 18,6 m² đang chồng lấn lên thửa 94 tờ bản đồ địa chính số 3 phường Đoàn Kết đang quy chủ cho ông Nguyễn Văn Sĩ;</p> <p>6,1 m² đang chồng lấn lên thửa 318 tờ bản đồ địa chính số 3 phường Đoàn Kết đang quy chủ cho ông Đỗ Đình Tư; 5,9 m² đang chồng lấn lên thửa 49 tờ bản đồ địa chính số 4 phường Đoàn Kết đang quy chủ cho ông Giàng A Mỹ; 2,0 m² đang chồng lấn lên thửa 01 tờ bản đồ địa chính số 5 phường Đoàn Kết đang quy chủ cho bà Phạm Thị Thu; 0,3 m² đang chồng lấn lên thửa 79 tờ bản đồ địa chính số 3 phường Quyết Tiến đang quy chủ cho bà Nguyễn Thị Tho;</p> <p>Diện tích 20,6 m² đang chồng lấn lên thửa đất 22, TBĐ số 29, đất DGT và 218,9 m² thuộc thửa 70 tờ bản đồ địa chính số 3 phường Quyết Tiến đang quy đất BCS do UBND phường quản lý, Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi của bà Trần Thị Hoài Phương sử dụng ổn định, không tranh chấp.</p>					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Hào đào đắp đất thủ công được hình thành năm 2018 trên phần đất bờ lô, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, sử dụng đúng mục đích)				46.575.000	
1	Hào đào đắp đất thủ công (150*2*1.5)	m ³	450	103.500	46.575.000	
c	Về cây cối hoa màu				62.483.633	
1	Sản lượng chè Sản lượng chè (16.3 tấn/ha/năm x 5300m ² đã hết chu kỳ kinh doanh)	kg	8.639	5.000	43.195.000	
2	Cây bơ phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 6,939 tấn/ha * 3 cây * 14 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	1387,80	2.100	2.914.380	
3	Cây bơ phát tán bán kính R >4m (năng suất 6,939 tấn/ha * 1 cây * 21 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	693,90	2.100	1.457.190	
4	Cây bơ phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 6,939 tấn/ha * 1 cây * 25 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	826,07	2.100	1.734.750	
5	Cây mít phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 10,551 tấn/ha * 1 cây * 17 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	427,06	2.600	1.110.367	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
6	Cây mít phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 10,551 tấn/ha * 4 cây * 18 năm còn lại của chu kì kinh doanh)	kg	1808,74	2.600	4.702.731	
7	Cây ổi phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 7,44 tấn/ha x 4 cây x 4 năm còn lại của chu kì kinh doanh)	kg	226,74	3.900	884.297	
8	2 Cây xoan lấy gỗ đường kính D 30cm, (C 0,942m) cao 15m	m ³	1,06	2.200.000	2.330.928	
9	Cây nhãn phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 4,054 tấn/ha * 1 cây * 23 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	222,00	3.700	821.418	
10	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 2,43 tấn/ha x 16,67 m ² x 5 cây x 16 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	462,86	7.200	3.332.571	
d	Về chính sách hỗ trợ				592.677.900	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m ²	5118,9	111.000	568.197.900	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (4 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 12 tháng)	Kg	1440	17.000	24.480.000	
e	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d).				900.861.743	
26	Ông TRẦN VĂN HIỆP và bà Vũ Thị Hoa					
	Địa chỉ thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ 7, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 012082000776					
a	Về đất				53.794.240	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1461,8			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây hằng năm khác	m ²	1461,8	36.800	53.794.240	
	Vị trí: Vị trí 1, khu vực 1					
	<p>Nguồn gốc: Diện tích thu hồi 1461,8 m² thuộc thửa đất số 358, 360 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 107, 16 TĐĐ số 3 đang quy chủ tên bà Đỗ Thị Hà, Thang Thị Bảy, đã được cấp GCNQSD đất số BQ 185646 do UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 24/9/2013 và GCNQSD đất số BQ 185645 do UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 24/9/2013; Đối với thửa đất số 137, 116 TĐĐ số 3, ngày 25/4/2022 ông Trần Văn Hiệp nhận tặng cho GCNQSD đất số ĐĐ663860 ngày 24/9/2013 từ bố mẹ là ông Trần Mạnh Hùng và bà Phạm Thị Tuyết. Trong đó có diện tích bị chồng lấn cụ thể: 2,2m² theo bản đồ địa chính đang quy chủ cho bà Trần Thị Thanh Thủy; 59,1m² đang chồng lấn lên thửa đất số 107 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ cho bà Đỗ Thị Hà; 123,4m² đang chồng lấn lên thửa đất số 106 TĐĐ địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ cho bà Nguyễn Thị Thủy trên thực tế hộ gia đình ông Trần Văn Hiệp đang quản lý sử dụng, có cùng nguồn gốc và mục đích sử dụng trên. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.</p>					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Tài sản tạo lập năm 2018 trước kế hoạch sử dụng đất của dự án, không bị xử phạt vi phạm hành chính, sử dụng ổn định, không tranh chấp.				62.914.500	
1	Khung sắt lưới B40 (130*1.2)	m ²	156	154.500	24.102.000	
2	Khối lượng đào đắp đất thủ công (250 m ² x 1.5m)	m ³	375	103.500	38.812.500	
c	Về cây cối hoa màu				34.992.570	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Sản lượng chè (16.3 tấn/ha/năm x 1300m ² x 05 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	m ²	10595	1.700	18.011.500	
2	1 Cây xoan đường kính D 30cm, (C 0,942m) cao 20m	Cây	0,71	2.200.000	1.553.952	
3	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 4,054 tấn/ha * 24 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	231,66	3.700	857.131	
4	Cây xoài phát tán bán kính R>4m (năng suất 4,161 tấn/ha x 3 cây x 9 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	267,49	5.800	1.551.459	
5	Cây nhãn phát tán bán kính R>4m (năng suất 4,054 tấn/ha * 15 cây * 19 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	2750,93	3.700	10.178.436	
6	Cây nhãn phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 4,054 tấn/ha * 1 cây * 21 năm)	kg	202,70	3.700	749.990	
7	Cây mít phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 10,551 tấn/ha * 16 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh* 2 cây)	kg	803,89	2.600	2.090.103	
d	VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ				165.729.000	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác)	m ²	1461,8	105.000	153.489.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (4 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	720	17.000	12.240.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d).				317.430.310	
27	Bà NGUYỄN THỊ THO					
	Địa chỉ thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ 18, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 034161007465					
a	VỀ ĐẤT				48.683.350	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1295,4			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1251,5	38.900	48.683.350	
2,2	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	43,9		Đất không đủ điều kiện bồi thường	
	Vị trí: Vị trí 1, khu vực 1					
	<p>Nguồn gốc: Thừa đất số 350 TBD thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thừa đất số 79 TBD số 3 đang quy chủ cho bà Nguyễn Thị Tho được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CX462799.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 0,2 m² thuộc thửa 350 TBD thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 72 TBD địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ cho bà Lê Thị Tâm, trên thực tế hộ gia đình bà Nguyễn Thị Tho đang quản lý sử dụng, có cùng nguồn gốc và mục đích sử dụng với giấy chứng nhận số CX462799. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác</p> <p>Phần diện tích thu hồi 29,8 m², diện tích 14,2 m² thuộc thửa 350 TBD thu hồi số 3 đang chồng lấn lên thửa đất số 22 TBD địa chính số 29 và thửa đất số 245 TBD địa chính số 3 phường Quyết Tiến quy chủ đất DGT, Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác..</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do bà Nguyễn Thị Tho tạo lập năm 2008 trên phần đất bờ lô, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, tài sản kê đá sử dụng đúng mục đích)				4.865.900	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Kè đá xây (19*0.4*1.3)	m ²	9,88	492.500	4.865.900	
c	Về cây cối hoa màu				13.041.713	
1	Sản lượng chè (16.3 tấn/ha/năm x 1200m2 đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	1956	5.000	9.780.000	
2	Cây xoan đường kính tại 1,3 m D 35cm, (C 1,099m) cao 15m	Cây	0,72	2.200.000	1.586.326	
3	Cây nhân phát tán bán kính R>4m (năng suất 4,054 tấn/ha * 3 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh x 2 cây)	kg	57,91	3.700	214.283	
4	Cây xoài phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 4,161 tấn/ha x 1 cây x 11 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	Cây	108,98	5.800	632.076	
5	Cây ôi trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 7,44 tấn/ha x 3 cây x 5 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	212,57	3.900	829.029	
d	Về chính sách hỗ trợ				148.096.500	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m ²	1251,5	111.000	138.916.500	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (03 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	540	17.000	9.180.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d).				214.687.463	
28	Bà Đặng Thị Cúc					
	Địa chỉ thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 012165000373					
a	Về đất					
1	Diện tích thu hồi	m ²	8			
2	Loại đất:					
2.1	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	8	38.900		
	Vị trí: Vị trí 1, khu vực 1					
	<p>Nguồn gốc: Bà Đặng Thị Cúc bị Thu hồi một phần thửa đất số 366 TĐĐ thu hồi số 3 có nguồn gốc được nông trường giao khoán.</p> <p>Phần diện tích thu hồi 8,0 m2 đang chồng lấn lên thửa đất số 245 TĐĐ số 3 quy chủ đất DGT do UBND phường quản lý, nguyên nhân là do trong quá trình đo đạc quy chủ chưa đo đạc hết diện tích đất của gia đình.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
c	Về cây cối hoa màu					
1	Sản lượng chè (16.3 tấn/ha/năm x 5m2 đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	8,15	5.000		
2	Cây ôi trồng hạt năm thứ 4 (năng suất 7,44 tấn/ha x 2 cây x 5 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	106,32	3.900		
d	Về chính sách hỗ trợ					
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m ²	8	111.000		

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 11 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (3 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 3 tháng)	Kg	270	17.000		
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d).				-	
29	Ông NGUYỄN MẠNH CƯỜNG và bà Hoàng Thị Thơm					
	Địa chỉ thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 012073002571					
a	Về đất				54.117.430	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1655,3			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1239,2	38.900	48.204.880	
2,2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	187,7	31.500	5.912.550	
2,3	Đất trồng cây lâu năm (chồng lấn lên đất giao thông do UBND phường quản lý)	m ²	228,4			Đất không đủ điều kiện bồi thường
	Vị trí: Vị trí 1, khu vực 1					
	<p>Nguồn gốc: Phần diện tích thu hồi 288 m² thuộc thửa 130 TĐĐ số 3 bản đồ giải phóng mặt bằng theo thông tin địa chính là thửa đất số 130 TĐĐ số 3 đang quy chủ cho Nguyễn Văn Cường được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 227725.</p> <p>Trong đó có diện tích bị chồng lấn cụ thể: có 100.5m² đang chồng lấn lên thửa đất đất DGT do UBND phường Quyết Tiến quản lý.</p> <p>- Diện tích thu hồi 1367,1m² thuộc thửa 395;399 tờ bản đồ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa đất số 191; TĐĐ số 3 đang quy chủ cho Nguyễn Thiện Thuật được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 752971</p> <p>Trong đó có diện tích bị chồng lấn cụ thể: 125.8m² thuộc thửa 395 TĐĐ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính đang quy chủ đất DGT do UBND phường Quyết Tiến quản lý ; 9.9 m² thuộc thửa 399 TĐĐ số 3 bản đồ giải phóng mặt bằng đang chồng lấn lên thửa đất số 194 TĐĐ số 3 quy chủ cho bà Trương Thị Dung; 58.6 m² thuộc thửa 399 TĐĐ số 3 bản đồ giải phóng mặt bằng đang chồng lấn lên thửa đất số 226 TĐĐ số 3 quy chủ tên Nam, thực tế do hộ gia đình ông Nguyễn Văn Cường quản lý sử dụng, có nguồn gốc và mục đích sử dụng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 792478. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản đường bê tông đá dăm hoàn chỉnh được tạo lập vào năm 2013 trên phần đất nông nghiệp, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất của dự án, tài sản sử dụng đúng mục đích)				5.022.270	
1	Đường đi bằng bê tông đá dăm hoàn chỉnh (34.2*1.5)	m ²	51,3	97.900	5.022.270	
c	Về cây cối hoa màu				83.705.827	
	<i>Thửa đất số 130, TĐĐ số 3</i>					
1	20 Cây xoan đường kính D 30cm, (C 0,942m) cao h 10m	m ³	7,06	2.200.000	15.539.518	
2	30 Cây lấy gỗ đường kính D 20cm, (C 0,628m) cao 10m	m ³	4,709	1.375.000	6.474.799	
3	Cây đào phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 2,43 tấn/ha x 10 cây * 3 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	173,57	7.200	1.249.714	
4	Cây mận phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 4,046 tấn/ha x 5 cây x 3 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	144,5	7.200	1.040.400	
5	Cây đào phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 2,43 tấn/ha x 5 cây x 6 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	Cây	173,57	7.200	1.249.714	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
6	Cây nhãn phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 4,054 tấn/ha x 14 năm còn lại của chu kì kinh doanh x 5 cây)	kg	675,67	3.700	2.499.967	
7	Cây bơ phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 6,939 tấn/ha * 16 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	528,69	2.100	1.110.240	
8	Cây chuối cao h<1,2m (năng suất 11,034 tấn/ha x 10 cây x mật độ 2100 cây/ha)	kg	52,54	21.313	1.119.846	
9	Cây chuối cao h>1,2m chưa buồng (năng suất 11,034 tấn/ha x 10 cây x mật độ 2100 cây/ha)	kg	52,54	24.393	1.281.678	
10	Cây ổi phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 7,44 tấn/ha x 5 cây hết chu kì kinh doanh)	kg	70,86	30.000	2.125.714	
11	Hàng rào cây gỗ	m	50	7.200	360.000	
	<i>Thừa đất số 395 và 399, TBD số 3</i>					
1	Sản lượng chè (16.3 tấn/ha/năm x 1100m ² x 15 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	26.895	1.700	45.721.500	
2	Cây ổi phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 7,44 tấn/ha x 7 cây hết chu kì kinh doanh)	kg	99	30.000	2.976.000	
3	Cây ổi phát tán bán kính R >4m (năng suất 7,44 tấn/ha x 5 cây * 1 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	71	3.900	276.343	
4	Cây ban đường kính gốc D 10-25cm (tính bằng cây cau cảnh)	Cây	2	90.200	180.400	
5	Cây nhãn phát tán bán kính R 2-4m (năng suất 4,054 tấn/ha * 14 năm còn lại của chu kì kinh doanh x 1 cây)	kg	135,13	3.700	499.993	
d	VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ				178.924.200	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m ²	1239,2	111.000	137.551.200	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác)	m ²	187,7	90.000	16.893.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 (thu hồi 88,8% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (4 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 12 tháng)	Kg	1440	17.000	24.480.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				321.769.727	
30	Ông ĐẶNG NGỌC HUY					
	Địa chỉ thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Số định danh cá nhân: 012063004027					
a	VỀ ĐẤT				2.454.590	
1	Diện tích thu hồi	m ²	63,1			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	63,1	38.900	2.454.590	
	Vị trí: Vị trí 1, khu vực 1					

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	Nguồn gốc: Ông: Đặng Ngọc Huy bị Thu hồi 63.1m2 thuộc thửa 345 tờ bản đồ thu hồi số 3 theo thông tin địa chính là thửa 131 tờ bản đồ số 3 mang tên ông Đặng Ngọc Huy được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 276201 ngày 23/2/2017.					
b	Tài sản, vật kiến trúc					
c	Về cây cối hoa màu					1.149.857
1	Sản lượng chè (16.3 tấn/ha/năm x 60m2 đã hết chu kỳ kinh doanh)	Kg	97,8	5.000	489.000	
2	Hàng rào cây gỗ	m	5	7.200	36.000	
3	Cây đào phát tán bán kính R 1-2m (năng suất 2,43 tấn/ha x 1 cây x 15 năm còn lại của chu kỳ kinh doanh)	kg	86,79	7.200	624.857	
d	Về chính sách hỗ trợ					17.714.100
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 14 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m ²	63,1	111.000	7.004.100	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 11 Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (07 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 3 tháng)	Kg	630	17.000	10.710.000	
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d).					21.318.547

(Ghi chú: Định mức Kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn giống cây trồng nông nghiệp tính toán bồi thường, hỗ trợ được áp dụng theo Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Lai Châu)

